

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

● NGUYỄN NHƯ HÀ - TRẦN THỊ THANH HIỀN

TÓM TẮT:

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tại Việt Nam là một vấn đề cấp thiết, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cũng như phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Việc đào tạo, bồi dưỡng không chỉ giúp cải thiện hiệu quả công tác hành chính nhà nước mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sự tiến bộ trong công tác xây dựng và quản lý chính quyền địa phương. Để đạt được điều này, các quy định pháp luật cần được hoàn thiện để đảm bảo việc đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả và đồng bộ.

Từ khóa: đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ cấp xã, công chức cấp xã.

1. Khái quát chung về pháp luật đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tại Việt Nam

1.1. Cán bộ, công chức cấp xã và tầm quan trọng của đào tạo cán bộ, công chức cấp xã

Cán bộ, công chức (CBCC) cấp xã được quy định cụ thể tại 2 văn bản quy pháp luật quan trọng là Luật Cán bộ Công chức năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2019 (sau đây gọi tắt là Luật CBCC) và Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Nghị định 33/2023/NĐ-CP). Theo khoản 3, Điều 4 Luật CBCC thì: “Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức

danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.”

Chức vụ của cán bộ cấp xã, chức danh công chức cấp xã được quy định chi tiết tại Điều 61 Luật CBCC và Điều 5 Nghị định 33/2023/NĐ-CP. CBCC cấp xã cũng bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã (khoản 4, Điều 61 Luật CBCC 2008). Số lượng CBCC cấp xã, được xác định theo loại đơn vị hành chính cấp xã tại Điều 6 Nghị định 33/2023/NĐ-CP.

Đội ngũ CBCC cấp xã đóng vai trò đặc biệt quan trọng, bởi: i) CBCC cấp xã là những người trực tiếp đưa các chính sách của Đảng và Nhà nước từ lý thuyết vào thực tế, chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và thực thi các chủ trương của Đảng và các chính sách pháp luật của Nhà nước, do đó đây là đội ngũ gần với nhân dân nhất và thường xuyên giải quyết các vấn đề đời sống của người dân; ii) chất

lượng của đội ngũ CBCC cấp xã có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. CBCC cấp xã do thường xuyên sống và làm việc gần gũi với dân cư, cần có kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ vững chắc để quản lý và điều hành hiệu quả; iii) Việc phát triển đội ngũ CBCC cấp xã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước và củng cố quản lý xã hội. Khi thực hiện công vụ, CBCC cấp xã chỉ được phép làm những việc mà pháp luật cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, thủ tục và thời hạn theo quy định, và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Bởi vậy, đòi hỏi CBCC cấp xã phải thường xuyên cập nhật và đổi mới tư duy, phát huy tính sáng tạo, sử dụng hiệu quả kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn cũng như các lĩnh vực liên quan khác thông qua đào tạo, bồi dưỡng.

Đào tạo, bồi dưỡng là một trong những quyền của CBCC nói chung, để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, nhằm bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ. Đây là một trong các quyền bên cạnh quyền được giao tương xứng với nhiệm vụ, quyền được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật; quyền được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao; quyền được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 11 Luật CBCC.

Tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã được thể hiện cụ thể trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Cụ thể như sau:

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đã khẳng định: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị”. Nghị quyết số 26-NQ/TW cũng đề ra mục tiêu đến năm 2030: “Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã: 100% có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác”. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhận định: “Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công văn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”; do đó, Đại hội yêu cầu: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất,

năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển đất nước”.

Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã xác định nhiều mục tiêu, trong đó: tiếp tục xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài; đến năm 2025 phấn đấu xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và đến năm 2030 xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030: “100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc”.

Trước những yêu cầu đặt ra, các thiết chế trong bộ máy nhà nước cần cụ thể hóa đường lối của Đảng và chính sách đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã thành pháp luật, đáp ứng phù hợp với nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã

1.2.1. Quy định về tiêu chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng

Tiêu chuẩn của CBCC cấp xã quy định tại Luật CBCC và được cụ thể hóa tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Theo đó, các tiêu chuẩn chung của CBCC cấp xã được ghi nhận tại Điều 7 Nghị định như sau:

“1. Tiêu chuẩn chung đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về cán bộ, công chức, điều lệ tổ chức và quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

2. Đối với công chức là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, tài sản của Nhà nước và bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân.”

Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn của từng chức vụ cán bộ cấp xã và Điều

10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn của từng chức danh công chức cấp xã.

Các tiêu chí cụ thể được chi tiết hóa tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2022/TT-BNV).

Cũng theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, CBCC cấp xã không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 01/8/2023 (ngày Nghị định 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực). Sau thời hạn nêu trên, CBCC cấp xã vẫn chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì sẽ thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc tinh giản biên chế. Quy định này sẽ dẫn đến nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhiều CBCC cấp xã.

1.2.2. Quy định về đối tượng, nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã

Đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã được quy định chi tiết tại: i) Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ) (sau đây gọi tắt là Nghị định số 101/2017/NĐ-CP); ii) Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Về đối tượng, CBCC cấp xã được đào tạo bồi dưỡng gồm: i) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước cấp xã; ii) Công chức cấp xã.

Về đào tạo, theo Điều 4, 5, 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP thì việc đào tạo CBCC nói chung và CBCC cấp xã nói riêng thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị. CBCC cấp xã đào tạo sau đại học phải đáp ứng những điều kiện cụ thể bao gồm: i) Có thời gian công tác từ đủ 3 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 2 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ; ii) Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; iii) Có cam

kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo; iv) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

Về bồi dưỡng, theo Điều 15 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP thì có 04 hình thức bồi dưỡng gồm: i) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; ii) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; iii) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; iv) Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm. Bồi dưỡng bằng phương pháp tích cực, phát huy tính tự giác, chủ động và tư duy sáng tạo của người học, tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên.

Có 3 loại hình tổ chức bồi dưỡng là tập trung, bán tập trung và từ xa theo Điều 29 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Cũng theo Điều 16 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP thì nội dung bồi dưỡng gồm: i) Lý luận chính trị; ii) Kiến thức quốc phòng và an ninh; iii) Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; iv) Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

1.2.3. Quy định về chế độ đối với cán bộ, công chức cấp xã đi học

Các hướng dẫn về lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC nói chung và CBCC cấp xã nói riêng, kinh phí thực hiện Đề án/Dự án về đào tạo, bồi dưỡng CBCC theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-BTC). Các đối tượng là cán bộ trong các cơ quan nhà nước cấp xã và công chức cấp xã (vốn chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP) cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP cũng quy định CBCC được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: i) Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; ii) Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp. iii) Đã hoàn thành và được cấp

văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết.

Có thể thấy, các quy định pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã cơ bản đã được xây dựng, chỉnh sửa bổ sung kịp thời, nhằm đáp ứng các yêu cầu thực thi chính sách đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã trên thực tế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số bất cập xuất phát từ chính các quy định pháp luật, do thiếu tính đồng bộ, nhất quán.

2. Bất cập trong pháp luật đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tại Việt Nam

Thứ nhất, xuất phát từ chính khái niệm đào tạo, bồi dưỡng. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP không còn định nghĩa về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trong khi đây là hai hoạt động hoàn toàn khác biệt. Việc định nghĩa hoạt động đào tạo và bồi dưỡng là cần thiết, từ đó xác định đúng mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nhằm trang bị đúng kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức. Một điểm đáng tiếc là Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đã không kế thừa những quy định từ Nghị định cũ bị thay thế là Nghị định số 18/2010/NĐ-CP. Nghị định số 18/2010/NĐ-CP có định nghĩa cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng tại Điều 5.

Thứ hai, về đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng. Như đã trình bày, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định CBCC cấp xã thuộc phạm vi điều chỉnh bao gồm: cán bộ trong cơ quan nhà nước cấp xã và công chức cấp xã. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2019, thì chính quyền địa phương ở xã gồm có Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã. Đối chiếu với quy định tại Điều 61 Luật CBCC và Điều 5 Nghị định 33/2023/NĐ-CP thì cán bộ trong cơ quan nhà nước cấp xã chỉ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Điều này đồng nghĩa với việc Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đã loại trừ các cán bộ cấp xã khác là: i) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; ii) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; iii) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; iv) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; v) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); vi) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Bên cạnh đó, theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã còn

các thành phần khác như Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, thành viên Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, các cá nhân này không phải là CBCC xã thì cũng không thuộc đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng.

Điều này dẫn đến các cán bộ cấp xã và các đối tượng trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nêu trên cũng không thuộc đối tượng được cấp nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC. Việc không áp dụng cho cán bộ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội đã dẫn đến những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng chế độ, chính sách cho các đối tượng trên trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ ba, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định về đối tượng, điều kiện đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học thì CBCC cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo. Như vậy, với quy định trên, cán bộ, công chức trong các cơ quan của Đảng khi đi đào tạo Đại học chính trị (văn bằng 2) chuyên ngành công tác, tổ chức, kiểm tra, dân vận, tôn giáo (đối tượng đi học các chuyên ngành trên phải là cán bộ, công chức đang công tác được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước); viên chức chuyên môn y tế như điều dưỡng, y sĩ, hộ sinh, kỹ thuật viên y học... khi xem xét đi đào tạo cao đẳng, đại học; giáo viên mầm non, tiểu học đạt chuẩn (trình độ trung cấp) có nhu cầu đào tạo, nâng cao trình độ (đào tạo cao đẳng, đại học) thì không thuộc đối tượng áp dụng quy định trên của Nghị định, dẫn đến khó khăn trong việc nâng cao trình độ chuyên môn và thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng này.

Thứ tư, tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định điều kiện để cán bộ, công chức được đi đào tạo sau đại học là: Có thời gian công tác từ đủ 3 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 2 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ; không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm. Tuy nhiên, giới hạn

về độ tuổi không quá 40 đang là điểm khó khăn cho việc áp dụng chế độ, chính sách cho đội ngũ CBCC cấp xã ở địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ chuyên môn sau đại học của cán bộ, công chức những địa phương này còn chưa cao.

3. Khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tại Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng lại khái niệm đào tạo, bồi dưỡng CBCC nói chung, điều này đồng nghĩa với việc khái niệm này cũng sẽ áp dụng với CBCC cấp xã nói riêng. Khái niệm đào tạo, bồi dưỡng CBCC cần phải được hiểu một cách toàn diện và rõ ràng hơn. Đào tạo là quá trình trang bị kiến thức cơ bản, kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ cho CBCC để họ có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Bồi dưỡng, mặt khác, là quá trình nâng cao và cập nhật kiến thức, kỹ năng, nhằm đảm bảo CBCC luôn đáp ứng được yêu cầu của công việc trong bối cảnh thay đổi liên tục của xã hội và pháp luật. Các nhà làm luật hoàn toàn có thể căn cứ vào các quy định cũ, từng có hiệu lực để làm cơ sở xây dựng khái niệm như Điều 5 của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP. Theo đó, i) Đào tạo là quá trình truyền thụ, tiếp nhận có hệ thống những tri thức, kỹ năng theo quy định của từng cấp học, bậc học; ii) Bồi dưỡng là hoạt động trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc; iii) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch là trang bị kiến thức, kỹ năng hoạt động theo chương trình quy định cho ngạch công chức; iv) Đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý là trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc theo chương trình quy định cho từng chức vụ lãnh đạo, quản lý; v) Bồi dưỡng theo vị trí việc làm là trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp cần thiết để làm tốt công việc được giao.

Thứ hai, cần nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về đối tượng cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng cũng như được cấp kinh phí học tập. Nói cách khác, các đối tượng CBCC cấp xã được liệt kê tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP, các đối tượng trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương cần được bổ sung vào Nghị định số 101/2017/NĐ-CP. Điều này không chỉ giúp thống nhất về mặt chính sách mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng một cách đồng bộ và hiệu quả hơn. Việc bổ sung các đối tượng này vào phạm vi áp dụng sẽ đảm bảo rằng tất cả

CBCC đều nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn cần thiết để nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, từ đó đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc. Để làm được điều này, trước hết cần tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã để nhận diện rõ ràng những đối tượng nào chưa được bao phủ bởi các quy định hiện hành. Từ đó, xây dựng hoặc bổ sung quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP nhằm bao phủ đầy đủ các đối tượng CBCC cấp xã cần được đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo rằng các quy định này được soạn thảo chi tiết, rõ ràng và khả thi trong thực tế.

Thứ ba, cần nghiên cứu, xem xét bổ sung đối tượng, điều kiện cử đi đào tạo trình độ cao đẳng, đại học tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP để tạo điều kiện cho việc chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC cấp xã trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó, cần quy định rõ ràng và phù hợp hơn về điều kiện cử đi đào tạo, đảm bảo sự linh hoạt và hiệu quả; đồng thời tăng cường các chính sách hỗ trợ về học phí, thời gian học tập và các chế độ đãi ngộ khác nhằm khuyến khích CBCC cấp xã tham gia đào tạo. Bằng cách này, cơ quan quản lý sẽ đảm bảo được việc nâng cao trình độ chuyên môn cho các đối tượng, đáp ứng yêu cầu công việc và góp phần phát triển đội ngũ CBCC cấp xã chất lượng cao.

Thứ tư, để giải quyết vướng mắc liên quan đến giới hạn độ tuổi trong quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, cần đưa ra các quy định linh hoạt hơn về độ tuổi đối với từng vùng miền, đặc biệt là ở các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Điều này sẽ tạo điều kiện cho nhiều CBCC cấp xã có cơ hội được đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Kết luận

Tóm lại, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã là yêu cầu tất yếu, không chỉ nâng cao năng lực bản thân CBCC cấp xã, mà còn góp phần xây dựng một nền hành chính hiệu quả, minh bạch và phát triển bền vững, phục vụ tốt hơn cho người dân. Khung pháp lý đồng bộ, thống nhất và hiệu quả sẽ là cơ sở tiên quyết để CBCC cấp xã được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trang bị, cập nhật những kiến thức cần thiết về quản lý nhà nước, cải cách hành chính, về hội nhập, về kỹ năng thực thi công vụ, về đạo đức công vụ, văn hóa công sở góp phần quan trọng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ, kỹ năng công tác để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2010). Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 về đào tạo, bồi dưỡng công chức.
2. Đào Trí Úc, Vũ Công Giao (2015). Vận động chính sách công, Lý luận và thực tiễn. Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
3. Lê Chi Mai (2001). Những vấn đề cơ bản về chính sách công và quy trình chính sách. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Như Thanh, Lê Văn Hòa (2016). Hoạch định và thực thi chính sách công. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. Vũ Cao Đàm (chủ biên) (2012). Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
6. Amy DeGroff & Margaret Cargo (2009). Policy Implementation: Implications for Evaluation. New Directions For Evaluation, 124, 47-60.
7. Daniel Mazmanian & Paul Sabatier (1989). Implementation and Public Policy. University Press of America, USA.
8. John A. Crane (1982). The Evaluation of Social Policies. Kluwer Nijhoff Publishing, USA.
9. Thomas R. Dye (2012). Understanding public policy. Pearson Education, USA.

Ngày nhận bài: 8/5/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 9/6/2024

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN NHƯ HÀ¹

2. TRẦN THỊ THANH HIỀN²

¹Trưởng Khoa Luật Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

²Phòng Nghiệp vụ, Cục Hải quan tỉnh Điện Biên

**THE CURRENT REGULATIONS OF TRAINING
AND RETRAINING FOR COMMUNE-LEVEL CADRES
AND CIVIL SERVANTS IN VIETNAM**

● NGUYEN NHU HA¹

● TRAN THI THANH HIEN²

¹Dean, Faculty of Economic Law, Academy of Policy
and Development, Ministry of Investment and Planning

²Department of Operations, Dien Bien Province Customs Department

ABSTRACT:

Training and retraining commune-level cadres and civil servants in Vietnam is an essential task to strengthen their professional skills, expertise, overall qualities, and capabilities. Such efforts are essential for enhancing the efficiency of state administrative functions and meeting the demands of socio-economic development. To achieve these set objectives, it is essential to complete legal frameworks to ensure that training and retraining are conducted in a scientific, effective, and coordinated manner.

Keywords: training, retraining, commune-level cadres, commune-level civil servants